

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương và bà Chế Thị Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Quang Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố KonTum, tỉnh KonTum .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Lệ T, sinh năm 1982 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1974 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: 27 đường T, thôn K, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lê Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Bla, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum vào ngày 27/12/2002. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa vợ chồng đã sớm phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu say rồi về nhà cãi vã, mắng chửi, đánh đập vợ và đập phá đồ đạc. Mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra 19 năm. Cách đây 10 năm, vì không chịu nổi, chị đã đưa đơn ly hôn ra tòa nhưng được tòa động viên và nghĩ đến việc nuôi dạy các con mà chị rút đơn, cho chồng một cơ hội và tiếp tục nhẫn nhịn. Đến nay, vì tình cảm vợ, chồng không còn cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn H H1, sinh ngày 08/11/2004 và Nguyễn H1 L, sinh ngày 15/9/2006. Cháu H1 đang học đại học, chưa tự lập được và cháu L chưa đủ 18 tuổi nên chị T có nguyện vọng nuôi cháu L, giao cho anh H nuôi cháu H1 do đến khi các cháu tự lập được; không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Anh Nguyễn Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc anh và chị T đi đến hôn nhân, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Lê Thị Lệ T trình bày ở trên là đúng sự thật. Sau khi kết hôn, anh thừa nhận có việc anh nhậu say, về cãi vã và đánh đập vợ như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, kể từ khi chị T khởi kiện ly hôn, thì anh đã sửa đổi, không còn uống rượu và đánh đập chị T nữa. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn H H1, sinh ngày 08/11/2004 và Nguyễn H1 L, sinh ngày 15/9/2006. Vì không đồng ý ly hôn nên anh không đồng ý yêu cầu về con chung của chị T. Trường hợp nếu Tòa án xử cho ly hôn, thì anh đồng ý nuôi cháu H1, chị T nuôi cháu L, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành.

2. Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại Chương IV (phiên tòa sơ thẩm) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan từ lúc bắt đầu phiên tòa đến trước thời điểm nghị án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn Chị Lê Thị Lệ T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Các chứng cứ chị Huệ cung cấp cho Tòa án đảm bảo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Bị đơn anh Nguyễn Đức H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn được quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Lê T và anh Nguyễn Đức H: Anh, chị có đăng ký kết hôn hợp pháp, được UBND xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum chứng nhận kết hôn vào ngày 27/12/2002, đây là hôn nhân hợp pháp nên được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Lê T thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa hợp. Tuy nhiên, từ tháng 7/2023 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị T, có lần đốt quần áo, đồ đạc của chị T, dùng dao đuổi đánh chị T. Việc anh H nhiều lần đánh đập, xúc phạm chị T đều được con cái, em trai và hàng xóm chứng kiến.

Căn cứ vào lời khai của bị đơn anh Nguyễn Đức H và tại các biên bản làm việc của Tòa án, nhận thấy: Giữa hai vợ chồng chị T, anh H có mâu thuẫn chủ yếu là do anh H kinh tế khó khăn, thường xuyên uống rượu nên dễ nóng giận, dẫn đến có các hành vi đánh đập, xúc phạm, chửi bới chị T, đốt hết đồ đạc, quần áo của chị T. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà con lối xóm và những người thân trong gia đình đều biết, chứng kiến. Về phía bị đơn anh Nguyễn Đức H có thừa nhận có đánh đập và xúc phạm chị T nhiều lần, hứa sẽ thay đổi và có nguyện vọng mong muốn hai vợ chồng có thể quay về đoàn tụ. Từ những lý do trên có thể nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh H không còn hạnh phúc, hành vi của anh H đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19, điều 21 Luật Hôn nhân gia đình 2014 về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Về phía chị T đã không còn tình cảm và không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh H. Nên căn cứ các Điều 51, 53, 56. 57 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận giải quyết cho chị T và anh H được ly hôn.

- *Về con chung*: Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Nguyễn Đức H không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh H có ý kiến: Nếu Tòa phán quyết ly hôn thì anh Nguyễn Đức H xin được chu cấp, nuôi dưỡng cháu Nguyễn H H1 (*hiện đã đủ 18 tuổi nhưng vẫn còn đang học đại học và sống phụ Tộc vào cha mẹ*) cho đến khi cháu H1 đủ điều kiện tự lập về mặt cuộc sống. Còn cháu Nguyễn H1 L thì giao cho mẹ là chị Lê Thị Lê T chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Lê T như trên.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lê Thị Lê T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đức H; hai anh chị đều cư trú tại thành phố Kon Tum. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, do đó, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Lê T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được UBND xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum cấp Giấy đăng ký kết hôn số 79 ngày 27/12/2022. Tại thời điểm kết hôn, chị T và anh H đủ tuổi và các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2000. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

[3] Xét nguyên nhân và tính chất, mức độ mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi chị T và anh H kết hôn, anh H thường xuyên uống rượu; sau khi uống rượu thì có đánh đập, chửi bới, đập phá đồ đạc và xúc phạm vợ. Việc này diễn ra trong nhiều năm. Từ khi chị T nộp đơn xin ly hôn (tháng 7 năm 2023) thì anh đã cố gắng sửa đổi, không uống rượu và đánh đập vợ nữa. Mâu thuẫn này được chứng minh bằng các file ghi hình mà chị T đã cung cấp cho Tòa án, lời trình bày của chị T, lời khai của anh H và kết quả xác minh của Tòa án với một số người thân trong gia đình cũng như hàng xóm của chị T, anh H; phù hợp với lời trình bày của con chung của anh, chị. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định: Trong cuộc sống hôn nhân, anh H đã có hành vi bạo hành về thể xác lẫn tinh thần đối với chị T trong thời gian dài, chứng tỏ anh H không yêu thương, quan tâm, chăm sóc chị T, không tôn trọng danh dự, nhân phẩm của vợ, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 và Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc dù, gần đây, anh H mới có thay đổi nhưng chị T không đồng ý. Sau khi được Tòa án tiến hành hòa giải 02 lần, vợ chồng vẫn không hàn gắn tình cảm được. Vì mâu thuẫn đã diễn ra trong nhiều năm nên Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung giữa chị T và anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T để cho ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 53 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung, xét thấy: Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh có ý kiến: Trong trường hợp bắt buộc phải ly hôn theo quy định của pháp luật thì anh đồng ý theo nguyện vọng nuôi con của chị T. Anh nuôi con lớn Nguyễn H H1 cho đến khi cháu tự lập và chị T nuôi con nhỏ Nguyễn H1 L đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Xem xét điều kiện về nơi ở, công việc và T nhập của 02 bên, Hội đồng xét xử thấy: Anh H và chị T đều có T nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng. Chị T có nơi ở tại nhà ông, bà ngoại tại thôn 1, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum. Anh H có nơi ở tại nhà số 27 Đào Duy Từ, thôn Kon Sơ Lam I, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum. Cháu Nguyễn H H1, sinh ngày 08/11/2004, đã đủ 18 tuổi nhưng chưa tự lập, đang học đại học, chưa tự lập, chủ yếu cần sự chu cấp hàng

tháng nên giao cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với nghề nghiệp lái xe của anh H. Cháu Nguyễn H1 L, sinh ngày 15/9/2006 chưa đủ 18 tuổi, cần sự chăm sóc, nuôi dạy sát sao của người mẹ nên giao cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao cháu Nguyễn H H1, sinh ngày 08/11/2004 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Nguyễn H1 L, sinh ngày 15/9/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thời điểm nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lập. Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 19, 21, 52, 53, 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2023 của nguyên đơn – chị Lê Thị Lệ T. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Lệ T ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H H1, sinh ngày 08/11/2004 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Nguyễn H1 L, sinh ngày 15/9/2006 cho chị Lê Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thời điểm nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn H H1 tự lập được, cháu Nguyễn H1 L đủ 18 tuổi và có khả năng tự lập.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Lệ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000523 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2014;

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để xin xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- THADS TP Kon Tum;
- UBND xã Đăk Blà, TPKT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; lưu trữ./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phương Loan

THÀNH VIÊN HĐ XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**